

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG XUÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2022

V/v “Yêu cầu xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Linh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về “Yêu cầu xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm: 1972

*Địa chỉ:* Thôn L, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Lê Văn N – Sinh năm: 1972

*Địa chỉ:* Thôn V, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B tại phiên tòa như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn N có thời gian tìm hiểu, đến tháng 01/1994 bà và ông N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 21/01/1994. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng bà hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N không lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên ăn nhậu, say xỉn về đánh đập bà. Bà không thể chịu đựng được nữa nên tháng 8/2017 bà bỏ đi làm thuê không còn sống chung với ông N, giữa hai bên không ai còn có trách nhiệm với nhau từ đó cho đến nay. Mặc dù giữa

vợ chồng không còn liên lạc nhau nhưng thông qua các con ông N biết bà B có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông N cố tình trốn tránh không đến Tòa. Hôm nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa bà và ông N không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung: Lê Văn R - sinh năm 1993 và Lê Quang S – sinh năm 1995, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Văn N để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không đến Tòa để làm việc.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn ông Lê Văn N không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Bà B và ông N có 02 con chung, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện về việc: “Yêu cầu xin ly hôn” với ông Lê Văn N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Ông Lê Văn N có địa chỉ tại thôn V, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn N có thời gian tìm hiểu, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 21/01/1994. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa bà và ông N hạnh phúc trong những năm đầu, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên rượu chè, say sưa, đánh đập vợ con, không lo chí thú làm ăn. Đến tháng 8/2017 thì bà B ra đi khỏi nhà không còn sống chung với ông N cho đến nay. Ngày 03/3/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã X, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì hiện nay ông N vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ thôn V, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nhưng ông N hiện không có mặt ở tại địa phương. Việc ông N bỏ địa phương đi từ thời gian nào, đang làm gì, sinh sống ở đâu Công an không rõ vì ông N không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật. Việc bà B làm đơn xin ly hôn, ông N biết vì Tòa án có gọi điện thoại trực tiếp gặp ông N trao đổi nội dung bà B xin ly hôn; bà N cũng có thông qua các con nói lại với ông N việc bà B xin ly hôn nhưng ông N cố tình không đến Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà B và ông N không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông N.

[3]. Về con chung: Bà B với ông N có 02 con chung: Lê Văn R - sinh năm 1993 và Lê Quảng S – sinh năm 1995, hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

***Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.***

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Lê Văn N.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền bà B đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000559

ngày 08/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

**TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- Dương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã X, Đồng Xuân;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*Trần Vĩnh Long*

